

THÔNG BÁO

Về việc nhận chế độ hỗ trợ theo nghị định số 116/2016/NĐ-CP Học kỳ I năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Trường THPT Krông Ana thông báo đến giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và học sinh về việc nhận chế độ theo nghị định 116/2016/NĐ-CP học kỳ I năm học 2024-2025 như sau:

1. Số lượng: 13 học sinh (có danh sách kèm theo)
2. Hình thức nhận: Nhận trực tiếp tại văn phòng nhà trường.
3. Thời gian nhận: Từ ngày 05/12/2024, trong giờ hành chính.
4. Lưu ý: Cha mẹ học sinh hoặc học sinh khi nhận mang theo CCCD.

Trường THPT Krông Ana thông báo đến giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và học sinh được biết để thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ với nhà trường qua số điện thoại 02623637062 để được giải đáp.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó hiệu trưởng;
- Văn phòng;
- GVCN, CMHS, HS;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Văn Ninh

DANH SÁCH CHI TIÊN ẶN, Ỡ HỌC SINH HƯỠNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2026/NĐ-CP, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Dân tộc	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Trưởng học sinh tương đương khác cách trong cơ chế				Mức chi				Ký nhận	Chí chịu	
					Điểm học sinh, phải là nhân khẩu trong gia đình theo hộ khẩu có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐHKK vùng đặc biệt khó khăn có nhà ở xa trường từ 2 km trở lên.	Điểm học sinh, phải là nhân khẩu trong gia đình theo hộ khẩu có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐHKK vùng đặc biệt khó khăn có nhà ở xa trường từ 2 km trở lên.	Điểm học sinh, phải là nhân khẩu trong gia đình theo hộ khẩu có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐHKK vùng đặc biệt khó khăn có nhà ở xa trường từ 2 km trở lên.	Điểm học sinh, phải là nhân khẩu trong gia đình theo hộ khẩu có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐHKK vùng đặc biệt khó khăn có nhà ở xa trường từ 2 km trở lên.	Hỗ trợ 40% MLCS tiền ăn	Hỗ trợ 10% MLCS tiền ở không tính học sinh ở bán trú	Số tháng	Tổng cộng			
1	Y Tháp Ênuól	Ê đê	11A3	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
2	Y Sa Ênuól	Ê đê	11A6	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
3	Y Côi Nié	Ê đê	11A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
4	H Ặn Mió	Ê đê	11A8	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
5	H Ặn Hnók	Ê đê	11A9	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
6	Lý Thị Ngọc Mai	Nùng	11A9	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
7	Y Khoa Ênuól	Ê đê	11A10	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
8	Hứa Văn Hùng	Tày	11A11	Buôn Dur 1, Xã Dur Kmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kinh	12A4	Thôn 7, Xã CưMán, Easup	X	X				936,000	234,000	4	4,680,000		
10	H Như Hứá	Ê đê	12A7	Buôn Dur 1, Xã Đurkmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
11	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Tày	12A7	Buôn Dur 1, Xã Đurkmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
12	Ngọc Thị Mai Đóa	Nùng	12A7	Buôn Dur 1, Xã Đurkmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
13	Y Hai Hnók	Ê đê	12A8	Buôn Dur 1, Xã Đurkmál		X				936,000	234,000	4	4,680,000		
TỔNG CỘNG															
									48,672,000	12,168,000		60,840,000			

NGƯỜI LẬP

Th
Nguyễn Thị TB' Nheo

KẾ TOÁN

Shuoo

Krông Ana, ngày 03 tháng 12 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRƯỜNG HỌC PHỔ THÔNG
KRÔNG ANA
Phạm Văn Ninh